

Cần Thơ, ngày 12 tháng 10 năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Phục vụ công tác mua sắm mỹ phẩm, thực phẩm chức năng cho Nhà thuốc Bệnh viện Sản - Nhi Sóc Trăng giai đoạn 2026 – 2027

Kính gửi: Quý công ty/nhà cung ứng

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật đấu thầu; Luật 90/2025/QH15 ngày 25/06/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 4/08/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật an toàn thực phẩm

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 7/VBHN-BYT ngày 16/03/2021 của bộ Y tế Quy định về quản lý mỹ phẩm;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 11/VBHN-BYT ngày 02/11/2023 của bộ Y tế Quy định về quản lý thực phẩm chức năng;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng xét duyệt TPCN – MP ngày 07/10/2026.

Bệnh viện Sản – Nhi Sóc Trăng có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá, làm cơ sở lựa chọn nhà cung ứng mỹ phẩm, thực phẩm chức năng cho nhà thuốc bệnh viện giai đoạn 2025 - 2026 lần 3 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: BỆNH VIỆN SẢN - NHI SÓC TRĂNG

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ tên: Trần Trung Nhân.

- Chức vụ: Nhân viên

- Số điện thoại: 02993 825 232

- Địa chỉ: khoa Dược - VTTBYT, Bệnh viện Sản - Nhi Sóc Trăng, địa chỉ: 645 Tôn Đức Thắng, Phường Sóc Trăng, Thành phố Cần Thơ.

- Email: bvsnst.dvtyt@gmail.com (Quý Công ty/Nhà cung ứng/Đơn vị vui

lòng gửi file PDF và Excel vào email này).

3. Hình thức tiếp nhận báo giá: Trực tiếp; Email

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá:

Từ khi đăng tải thành công trên Webside của đơn vị đến 9 giờ 00 phút ngày 22/10/2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá:

Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 22/10/2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

Danh mục hàng hóa cần báo giá như sau:

TT	Tên sản phẩm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
1	Viên uống DHA, vitamin tổng hợp	Docosahexaenoic acid omega 3 (DHA) ≥ 200 mg Eicosapentaenoic acid omega 3 (EPA) ≥ 39 mg Vitamin A (Dưới dạng Beta-Carotin 30% 15,411 mg) ≥ 771 μ g RE Vitamin D ≥ 5 μ g Vitamin C ≥ 85 mg (Dưới dạng Calcium ascorbate $\geq 102,850$ mg) Vitamin E ≥ 10 mg α -TE Niacin ≥ 18 mg NE Vitamin B6 ≥ 1.9 mg Vitamin B1 ≥ 1.4 mg Vitamin B2 ≥ 1.4 mg Acid Folic ≥ 400 μ g (Dưới dạng calcium methylfolate 225 μ g và pteroylmonoglutamic acid 200 μ g) Biotin ≥ 30 μ g Vitamin B12 ≥ 2.6 μ g Magie ≥ 57 mg Sắt ≥ 4 mg Kẽm ≥ 10 mg Đồng ≥ 1.0 mg I-ốt ≥ 150 μ g Selen ≥ 60 μ g		Viên	18.000

TT	Tên sản phẩm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
2	Viên uống khoáng chất vitamin tổng hợp	Docosahexaenoic acid omega 3 (DHA) $\geq$ 200 mg Zeaxanthin $\geq$ 12.5 μ g Vitamin A $\geq$ 21 μ g RE (Dưới dạng Beta-carotene 30% 14,414 mg) Vitamin D $\geq$ 5 μ g Vitamin C $\geq$ 60 mg Niacin $\geq$ 17 mg NE Vitamin E 5 mg α -TE Vitamin B5 $\geq$ 7.0 mg Vitamin B6 $\geq$ 2.0 mg Vitamin B2 $\geq$ 1.6 mg Vitamin B1 $\geq$ 1.4 mcg Lutein $\geq$ 250 μ g Acid folic $\geq$ 200 μ g Biotin $\geq$ 35 μ g Vitamin B12 $\geq$ 2.0 μ g Canxi $\geq$ 120 mg Sắt $\geq$ 9.0 mg Kẽm $\geq$ 5.0 mg I ốt $\geq$ 150 μ g Selen $\geq$ 35 μ g		Viên	18.000

TT	Tên sản phẩm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
3	Viên uống khoáng chất vitamin tổng hợp	Vitamin A $\geq$ 2566 IU Vitamin D $\geq$ 200 IU Vitamin E(D-alpha-tocopherol) $\geq$ 85 mg Vitamin C $\geq$ 1.4 mg Vitamin B1 $\geq$ 1.4 mg Vitamin B2 $\geq$ 18 mg Vitamin B3(Nicotinamid) $\geq$ 6 mg Vitamin B5 $\geq$ 1.9 mg Vitamin B6 $\geq$ 800 mcg Acid folic pteroylmonoglutamic acid 400 mcg & calcium-L-methylfolate $\geq$ 451mcg Vitamin B12 $\geq$ 2.6 mcg Biotin $\geq$ 30 mcg Canxi $\geq$ 125 mg Magiê $\geq$ 100 mg Sắt $\geq$ 14 mg Kẽm $\geq$ 11 mg Mangan $\geq$ 2 mg Đồng $\geq$ 1 mg Selen $\geq$ 60 mcg I-ốt $\geq$ 150 mcg		Viên	18.000
4	Kem hăm tả	AQUA, ZINC OXIDE, ISOPROPYL PALMITATE, HELIANTHUS ANNUUS SEED OIL, GLYCERIN, POLYGLYCERYL-3 POLYRICINOLEATE, BUTYLENE GLYCOL, POLYGLYCERYL-3 DIISOSTEARATE, PRUNUS AMYGDALUS DULCIS OIL, HEXYLDECANOL, HEXYLDECYL LAURATE, PANTHENOL, CALENDULA OFFICINALIS FLOWER EXTRACT, CERA ALBA, CITRIC ACID, GLYCINE SOJA OIL, HELIOTROPINE, TOCOPHEROL, ZINC STEARATE, ZINC SULFATE	Tuýp 70g	Tuýp	200

TT	Tên sản phẩm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
5	Sữa tắm mẹ và bé	AQUA, SODIUM LAURETH SULFATE ,COCAMIDOPROPYL BETAINE , DISODIUM LAURETH SULFOSUCCINATE , GLYCERIN , PANTHENOL , PARFUM , GLYCOL DISTEARATE , SODIUM CHLORIDE , CITRIC ACID , PHENOXYETHANOL , SODIUM BENZOATE , SODIUM CITRATE , PEG-120 METHYL GLUCOSE DIOLEATE , LAURETH-4 , HELIOTROPINE , POLYQUATERNIUM-10 , SODIUM HYDROXIDE , CALENDULA OFFICINALIS FLOWER EXTRACT , ALOE BARBADENSIS LEAF JUICE POWDER , TOCOPHEROL	≥ 230ml	Chai	60
6	Sản phẩm bôi phục hồi tổn thương da do chàm	Thành phần: Aqua/water/eau, caprylic/capric triglyceride, glycerin, polyglyceride-3, Polyricinoleate, brassica campestris (rapeseed) seed oil, butylene glycol, tapioca starch, hydrogenated rapeseed oil, xylose, polyglyceryl -3 diisostearate, simmondsia chinensis (Jojoba) seed oil, Magnesium sulfate, pentylene glycol, squalane, 1,2-hexanediol, caprylyl glycol, sodium polyglutamate, sodium citrate, xanthan gum, sodium hyaluronate, tocopherol, mannitol, rhamnose, xylitol, acetyl dipeptide - cetyl ester, helianthus annuus (sunflower) seed oil, citric acid, fructooligosaccharides	≥ 40ml	Tuýp	250
7	Sản phẩm thoa phục hồi da do viêm và giảm ngứa	Thành phần : Aqua/water/eau, glycerin, niacinamide, sodium polyacrylate, dipotassium Glycyrrhizate, Hydrogenated polydecene, pentylene glycol, 1,2-hexanediol, caprylyl glycol, mannitol, polysorbate 20, xylito, rhamnose, sodium citrate, polyquaternium 51, fructooligosaccharides, caprylic/capric triglyceride, laminaria ochroleuca extract.	≥ 75ml	Tuýp	200

TT	Tên sản phẩm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
8	Sản phẩm thoa phục hồi da và cân bằng độ ẩm cho da 45ml	Thành phần: Aqua/Water/Eau, Glycerin, Paraffinum Liquidum/Mineral Oil/Huile Minerale, Helianthus Annuus (Sunflower) Seed Oil, Behenyl Alcohol, Sucrose Stearate, Canola/Canola Oil/Huile De Colza, Hydroxyethyl Acrylate/Sodium Acryloyldimethyl Taurate Copolymer, Pentylene Glycol, Beta-Sitosterol, Xylitol, Zinc Gluconate, Acrylates/C10-30 Alkyl Acrylate Crosspolymer, Palmitamide MEA, 1,2-Hexanediol, Caprylyl Glycol, Sodium Citrate, Mannitol, Rhamnose, Sodium Lauroyl Lactylate, Sodium Hydroxide, Polysorbate 60, Sorbitan Isostearate, Tocopherol, Phytosphingosine, Ceramide NP, Ethylhexylglycerin, Ceramide AP, Cholesterol, Carbomer, Xanthan Gum, Fructooligosaccharides, Caprylic/Capric Triglyceride, Laminaria Ochroleuca Extract, Citric Acid, Ceramide Eop.	$\geq 75\text{ml}$	Tuýp	200
9	Sản phẩm tắm cân bằng vị sinh vật trên da	Thành phần: Aqua/Water/Eau, Glycerin, sodium cocoamphoacetate, peg-7 glyceryl cocoate, lauryl glucoside, citric acid, coco-glucoside, glyceryl oleate, fragrance (parfum), laureth-2, mannitol, polysorbate 20, xylitol, rhamnose, niacinamide, fructooligosaccharides, tocopherol, hydrogenated palm glycerides citrate.	$\geq 100\text{ml}$	Tuýp	200
10	Sản phẩm tắm gội và dưỡng da cho bé	-Thành phần bao gồm: Aqua + Glycerin + Cocamidopropyl Betaine + Sodium Lauroyl Sarcosinate + Decyl Glucoside + Parfum + Sodium Chloride + Citric Acid + Peg-150 Pentaerythrityl Tetrastearate + Styrene/Acrylates Copolymer + Sodium Benzoate + Peg-6 Caprylic/Capric Glycerides + Polyquaternium-10 + Potassium Sorbate + Calendula Officinalis Flower Extract + Sodium Hydroxide. - Dạng bào chế: Kem/Gel/Sữa/Dung dịch/Tinh chất - Thể tích: $\geq 250\text{ml}$	$\geq 250\text{ml}$	Chai	1.000
11	Thực phẩm hỗ trợ tiết sữa	-Thành phần bao gồm: Cao Cỏ sữa lá nhỏ $\geq 500\text{mg}$, Cao Ích mẫu thảo $\geq 500\text{mg}$, Cao Đương quy $\geq 500\text{mg}$, Cao Xích thực $\geq 500\text{mg}$, Cao Mộc hương $\geq 500\text{mg}$, Cao Thông thảo $\geq 250\text{mg}$, Cao Thóc nếp $\geq 250\text{mg}$.	$\geq 5\text{g}$	Hộp	3.000

TT	Tên sản phẩm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
12	Thực phẩm bổ huyết từ dược liệu	-Thành phần bao gồm: Ích mẫu $\geq 1,10$ g, Xuyên khung $\geq 0,42$ g, Đương quy $\geq 0,42$ g, Quảng mộc hương $\geq 0,28$ g, Khương hoạt $\geq 0,28$ g		Hộp	6.000
13	Thực phẩm hỗ trợ giảm nguy cơ lão hóa cho phụ nữ	-Thành phần bao gồm: 'Bột đương quy ≥ 100 mg 'Cao khô hoa bạch cúc ≥ 100 mg 'Cao đặc hỗn hợp thảo mộc: ≥ 70 mg tương đương '-Thỏ phục linh (<i>Smilax glabra</i>) ≥ 200 mg '-Nhàu (<i>Morinda citrifolia</i>) ≥ 40 mg '-Hà thủ ô (<i>Fallopia multiflora</i>) ≥ 40 mg 'Bột nhân sâm (<i>Panax ginseng</i>) ≥ 25 mg 'Pregnenolone (Chiết xuất từ củ mài) $\geq 12,5$ mg 'Isoflavone ≥ 10 mg 'Vitamin E (dl-alpha tocopheryl acetate) ≥ 10 IU		Viên	20.000
14	Sản phẩm hỗ trợ dinh dưỡng cho trẻ sau phẫu thuật	-Thành phần trong 100g bao gồm: -Protein: ≥ 14.6 g -Chất béo: ≥ 21.3 g -Carbohydrate: ≥ 57.1 g -DHA: ≥ 26 mg -MCT: ≥ 1000 mg -Chất xơ hòa tan (FOS): ≥ 2500 mg -MK-7: $\geq 15\mu$ g -2'-FL HMO: ≥ 12.6 mg -Sữa non: ≥ 350 mg -Choline: ≥ 49.7 mg -Lysine: ≥ 540 mg -Axit Pantothenic: $\geq 2900\mu$ g	≥ 400 g	Lon	800

TT	Tên sản phẩm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
15	Sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ sơ sinh từ 0 đến 6 tháng tuổi	- Thành phần trong 100g bao gồm: -Protein: $\geq 12g$ -Chất béo: $\geq 23.7g$ -Carbohydrate: $\geq 56.3g$ -Sữa non: $\geq 7000mg$ -IgG: $\geq 1000mg$ -Choline: $\geq 44.6mg$ -Taurine: $44.8mg$ -Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin): $3g$ -Có vitamin và khoáng chất -Axit Pantothenic: $\geq 4000\mu g$ -Axit Folic: $\geq 64.3\mu g$	$\geq 400g$	Lon	1.600
16	Dung dịch vệ sinh khử mùi phụ khoa	-Thành phần bao gồm: chiết xuất cúc hoa, tinh chất trà xanh, tinh dầu bạc hà, tinh dầu lá trầu không, tinh dầu trầm, lô hội - Dạng bào chế: Kem/Gel/Sữa/Dung dịch/Tinh chất - Thể tích: $\geq 200ml$	$\geq 200ml$	Chai	1.000
17	Thực phẩm bổ sung Vitamin D3, K2 cho trẻ sơ sinh	-Thành phần bao gồm: '+ Vitamin D3 (Cholecalciferol) $\geq 10000IU$ +Vitamin A (RetinylPalmitate) $\geq 33IU$ +Vitamin K2 $\geq 33mg$	$\geq 10ml$	Chai	3.000
18	Thực phẩm bổ sung acid folic $800\mu g$	-Thành phần bao gồm: - Folic acid $\geq 800\mu g$ - Iodine $\geq 150\mu g$ - Vitamin D3 $\geq 20\mu g$ - Vitamin B12 $\geq 9\mu g$		Viên	50.000
19	Thực phẩm dinh dưỡng cho trẻ 1-10 tuổi	-Thành phần trong 100ml pha chuẩn bao gồm: - Năng lượng: $\geq 100kcal$. - Chất đạm: $\geq 2,99g$. - Chất béo: $\geq 3,9g$. - Arginin: $\geq 222,22 mg$. - Vitamin K2 : $\geq 1,77 mcg$. - Bột đường: $\geq 13,1g$	$\geq 380g$	Hộp thiếc	800

TT	Tên sản phẩm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
20	Sản phẩm dinh dưỡng công thức cho trẻ 0 -12 tháng	-Thành phần trong 100ml pha chuẩn bao gồm: Năng lượng: ≥ 521 kcal Chất đạm: $\geq 10,6$ g. Chất béo: $\geq 28,22$ g Acid linolenic (Omega 3): $\geq 0,45$ g Acid linoleic (Omega 6): $\geq 4,50$ g Acid Arachidonic (AA): ≥ 112 mg Acid Docosahexaenoic (DHA): ≥ 54 mg. Phức hợp Oligosaccharid (5HMOs): $\geq 0,34$ g 2'-fucosyllactose (2'-FL): $\geq 0,16$ g Nucleotid tương đương: ≥ 58 mg Lutein: ≥ 94 mcg Gangliosides: $\geq 17,7$ mg Bột đường: $\geq 55,97$ g	≥ 380 g	Hộp thiếc	800
21	Sản phẩm dinh dưỡng công thức cho trẻ 0 -12 tháng tuổi	-Thành phần trong 100ml pha chuẩn bao gồm: Năng lượng: ≥ 516 kcal. Chất đạm: $\geq 10,45$ g. Chất béo: $\geq 27,78$ g Acid linoleic (Omega 6): $\geq 5,73$ g Acid Arachidonic (AA): ≥ 112 mg Acid Docosahexaenoic (DHA): ≥ 54 mg Bột đường: $\geq 56,97$ g Phức hợp Oligosaccharid (5HMOs): ≥ 1979 mg Vitamin E tự nhiên: $\geq 22,1$ IU Lutein: ≥ 92 mcg Nucleotid tương đương: ≥ 57 mg.	≥ 380 g	Hộp thiếc	1.200

TT	Tên sản phẩm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
22	Sản phẩm dinh dưỡng đặc biệt cho trẻ sinh non, nhẹ cân 0-12 tháng tuổi	TCKT: Tính trên 100g: Năng lượng: ≥ 513 kcal Chất đạm: $\geq 13,3$ g Chất béo: $\geq 28,2$ g Acid Oleic: $\geq 7,39$ g Acid Linoleic: $\geq 4,1$ g Acid alpha -Linoleic: ≥ 363 mg AA: ≥ 107 mg DHA: ≥ 40 mg Chất bột đường: $\geq 52,8$ g Chất xơ (2'Fucosyllactose (2'FLHMO)): ≥ 138 mg Carnitin: $\geq 27,6$ mg Taurin: $\geq 30,8$ mg Cholin: ≥ 82 mg Inositol: $\geq 30,8$ mg Nucleotid: $\geq 49,6$ mg	≥ 370 g	Hộp thiếc	400
23	Sản phẩm dinh dưỡng đặc biệt cho trẻ sinh non	TCKT: Tính trên 100mlpha chuẩn: Năng lượng: 81,3 kcal Chất đạm: 2,439 g Chất béo: 4,4 g Acid linoleic (Omega6): 569 mg Acid linolenic (Omega-3): 64 mg AA: 0,013 g DHA: 0,008 g Bột đường: 8,37 g Taurin: 3,98 mg Carnitin: 3,98 mg Nucleotid tương đương: 7,23 mg Lutein: 13,8 mcg	≥ 59 ml	Ống nhựa 59ml	4.800
24	Thực phẩm bổ sung men tiêu hóa	-Thành phần bao gồm: Orafti P95 (chất xơ hoà tan (Oligofructose)): ≥ 5000 mg Lactobacillus acidophilus LA-5: $\geq 3 \times 10^8$ CFU Bifidobacterium lactis BB12: $\geq 3 \times 10^8$ CFU	≥ 6 g	Gói	10.000
25	Thực phẩm bổ sung sắt, DHA, Acid folic cho phụ nữ mang thai	-Thành phần bao gồm: Iron (III) hydroxide polymaltose: ≥ 50 mg (Sắt (III) hydroxide polymaltose) DHA 10%: ≥ 500 mcg Acid folic: ≥ 200 mcg	≥ 10 ml	Ống	100.000

TT	Tên sản phẩm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
26	Siro ăn ngon	Cho 01 chai 100ml: L-Lysine HCl: $\geq 1200\text{mg}$, Thymomodulin: $\geq 800\text{mg}$, Chiết xuất hoa Cúc tím: $\geq 320\text{mg}$, Taurin: $\geq 160\text{mg}$, Kẽm gluconate: $\geq 33\text{mg}$, Vitamin B1: $\geq 4\text{mg}$, Vitamin B2: $\geq 4\text{mg}$, Vitamin B6: $\geq 4\text{mg}$, Phụ Liệu: Đường, hương cam, chất bảo quản: sodium benzoate, nước tinh khiết vừa đủ 100 ml.	$\geq 100\text{ml}$	Hộp	2.000
27	Thực phẩm hỗ trợ tăng cường hấp thu Canxi	Mỗi 10ml có chứa: Vitamin D3: $\geq 100.000\text{ IU}$ Vitamin K2 – MK7 (2000ppm): $\geq 5\text{ mg}$ Phụ liệu: Dầu đậu nành, nipagin, nipasol, BHT (butylate hydroxytoluene) vừa đủ 1 lọ 10ml.	$\geq 10\text{ ml}$	Hộp	2.000
28	Nước tắm thảo dược	Nước, PEG-40 hydrogenated Castor Oil, Propylene Glycol, Kim ngân hoa (Lonicera japonica Thunb), Trà xanh (Camellia sinensis), Khô qua (Momordica charantia), Trầu không (Piper betle), Bồ hòn (Sapindus saponaria), Trần bì (Pericarpium Citri deliciosa), Tinh dầu trầm gió (Melaleuca cajuputi essential oil), Glycerin, Ethylhexylglycerin (and) Phenoxylethanol, Sodium copper chlorophyllin, Fragrance	$\geq 200\text{ml}$	Hộp	2.000
29	Thực phẩm bổ sung men và khoáng chất	Saccharomyces boulardii $\geq 1 \times 10^8\text{ CFU}$ Kẽm gluconate $\geq 35\text{mg}$	$\geq 1\text{g}$	Gói	20.000
30	Sản phẩm bôi da cho sản phụ	-Thành phần bao gồm: Vitis Vinifera (Grape) Seed Oil, Prunus Amygdalus Dulcis (Sweet Almond) Oil, Persea Gratissima (Avocado) Oil, Simmondsia Chinensis (Jojoba) Seed Oil, Mentha Piperita (Peppermint) oil, Rosa Damascena Flower oil, Lavandula Angustifolia (Lavender) oil, Rosmarinus Officinalis (Rosemary) oil, Eucalyptus Globulus Leaf oil, Pogostemon Cablin (Patchouli) Leaf oil, Alpha Tocopheryl Acetate - Dạng bào chế: Kem/Gel/Sữa/Dung dịch/Tinh chất - Thể tích: $\geq 50\text{ml}$	$\geq 50\text{ ml}$	Chai	400

TT	Tên sản phẩm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
31	Kem bôi chàm	Purified Water - Paraffinum liquidum - Petrolatum - Glycerin - Polyglyceryl-4 Oleate (and) Polyglyceryl-6 Oleate (and) Polyhydroxystearic Acid - Lanolin - Beeswax - Water (and) Butylene Glycol (and) Phaseolus Radiatus Seed Extract (and) Ethyl Hexanediol (and) Phenoxyethanol (Tổng nguyên liệu là 1,0% - Trong đó Phenoxyethanol chiếm 0,5% trong nguyên liệu) - Panthenol (D-Panthenol) Water (and) Avena Sativa (Oat) Kernel Extract (and) Butylene Glycol (and) 1,2-Hexanediol - Beta-Sitosterol - Colloidal Silver - Allantoin Dipotassium Glycyrrhizate - Tocopheryl Acetate - Phenoxyethanol (and) Ethylhexylglycerin (Tổng nguyên liệu 0,8% — trong đó Phenoxyethanol chiếm 70%) - Disodium EDTA - Butylated Hydroxytoluene 0.1%	≥ 20g	Hộp	3500

TT	Tên sản phẩm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
32	Thực phẩm tăng cường đề kháng kích thích tiêu hóa	-Thành phần bao gồm: L-Lysin.HCl $\geq 380\text{mg}$ Cao nấm men bia (Chứa Protein 30%) $\geq 200\text{mg}$ Simethicone emusiol 30% $\geq 150\text{mg}$ α -Amylase $\geq 120\text{UI}$ Protease $\geq 100\text{UI}$ Maltase $\geq 100\text{UI}$ Lactase $\geq 100\text{UI}$ Taurin $\geq 35\text{mg}$ Kẽm gluconat $\geq 14\text{mg}$ Vitamin B1 $\geq 0,6\text{mg}$ Vitamin B2 $\geq 0,6\text{mg}$ Vitamin B3 $\geq 6\text{mg}$ Vitamin B5 $\geq 1\text{mg}$ Vitamin A $\geq 100\text{UI}$ Vitamin E $\geq 4\text{UI}$	$\geq 15\text{ml}$	Gói	30.000
33	Men vi sinh	Trong 10ml có chứa: Bacillus subtilis: $\geq 2 \times 10^9 \text{ CFU}$ Bacillus clausii: $\geq 2 \times 10^9 \text{ CFU}$ Kẽm gluconate (tương đương 1,43mcg): $\geq 10\text{mcg}$ Phụ liệu: nước tinh khiết.	$\geq 10\text{ml}$	Ống	40.000
34	Thực phẩm bổ phế hạn chế ho	Mỗi 10ml có chứa: - Chiết xuất Lá Thường Xuân $\geq 70 \text{ mg}$, - Beta Glucan $\geq 40 \text{ mg}$, - Chiết xuất Bách bộ $\geq 35 \text{ mg}$, - Chiết xuất Cát cánh $\geq 25 \text{ mg}$, - Chiết xuất Trần bì $\geq 20 \text{ mg}$, - Chiết xuất Cam thảo $\geq 5 \text{ mg}$, - Eucalyptol $\geq 5 \text{ mg}$, - Tinh dầu Tần $\geq 2 \text{ mg}$, - Tinh dầu Gừng $\geq 2 \text{ mg}$, - Phụ liệu: Đường trắng, nước tinh khiết vừa đủ 10 ml	$\geq 10\text{ml}$	Ống	20.000
35	Nước súc miệng	Purified Water, Sorbitol, PEG-40 Hydrogenated Castor Oil, Glycerin, Xylitol, Chlorhexidine Gluconate, Sodium Chloride, Mentha Arvensis Essential Oil, Menthol, Sodium Saccharin, Sodium Benzoate, Fragrance.	$\geq 250\text{ml}$	Hộp	1.500

TT	Tên sản phẩm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
36	Nước rửa vệ sinh phụ khoa	Purified Water, Sodium Laureth Sulfate, Cocamidopropyl Betaine, Glycerin, Decyl Glucoside, Panthenol, Betaine, Piper Betle Leaf Extract (and) Propylene Glycol (and) Water (Chiết xuất lá tràu không), Water (and) Avena Sativa (Oat) Kernel Extract (and) Butylene Glycol (and) 1,2-Hexanediol (Chiết xuất yến mạch), Water (and) Chamomilla Recutita (Matricaria) Extract (and) Butylene Glycol (and) Ethyl Hexanediol (and) 1,2-Hexanediol (Chiết xuất cúc La Mã), Centella Asiatica Extract (and) Aspergillus Ferment (and) Butylene Glycol (and) 1,2-Hexanediol (and) Ethyl Hexanediol, Guar Hydroxypropyltrimonium Chloride, O-Cymen-5-ol, PEG-120 Methyl Glucose Dioleate, Menthol, Lactic Acid, Alcohol, Sodium Chloride, Allantoin, Disodium EDTA, Phenoxyethanol (and) Ethylhexylglycerin, Fragrance, CI 16255, Caramel.	≥ 120g	Hộp	2.000
37	Sản phẩm chăm sóc da cho bé	-Thành phần bao gồm: Vitis Vinifera (Grape) Seed Oil, Helianthus Annuus (Sunflower) Seed Oil, Cocos Nucifera (Coconut) Oil, Simmondsia Chinensis (Jojoba) Seed Oil, Citrus Nobilis (Mandarin Orange) Peel Oil, Lavandula Angustifolia (Lavender) Oil, Pelargonium Graveolens Flower Oil, Chamomilla Recutita (Matricaria) Flower Oil, Alpha Tocopheryl Acetate - Dạng bào chế: Kem/Gel/Sữa/Dung dịch/Tinh chất - Thể tích: ≥ 50ml	≥ 50 ml	Chai	800
38	Dung dịch vệ sinh phụ nữ	-Thành phần bao gồm: Aloe vera callus Extract, piper betle leaf extract, alpha-terpineols, Tocopherol - Dạng bào chế: Kem/Gel/Sữa/Dung dịch/Tinh chất - Thể tích: ≥ 180ml	≥ 180ml	Chai	400
39	Sản phẩm tắm gội phòng ngừa rôm sảy	-Thành phần bao gồm: Alpha-terpineol, tocopherol, acid citric - Dạng bào chế: Kem/Gel/Sữa/Dung dịch/Tinh chất - Thể tích: ≥ 220ml	≥ 220ml	Chai	3.000

TT	Tên sản phẩm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
40	Thực phẩm hỗ trợ bổ sung canxi và tăng hấp thu canxi	Thành phần cho 1 viên nang mềm có chứa: + Aquamin F (Canxi từ tảo biển 100% (Lithothamnium sp.) (Tương đương 128mg Canxi): $\geq 400\text{mg}$ + Canxi Lactac Gluconat (tương đương 9,3 mg Canxi): $\geq 100\text{mg}$ + Magie oxyd (tương đương 30 mg Magie): $\geq 50\text{mg}$ + FOS (Fructo Oligosaccharide): $\geq 50\text{mg}$ + Vitamin K2-MK7 (menaquinone) 2000ppm: $\geq 200\text{mcg}$ + Vitamin D3 (Cholecalciferol): $\geq 200\text{IU}$ Phụ liệu: Vỏ nang Gelatin, chất hoá dẻo (Glycerin, Sorbitol) chất làm dày (Sáp ong, dầu cọ), chất làm trơn (Aerosil), phẩm màu tổng hợp (Titan dioxyd), chất nhũ hóa (Lecithin), dầu đậu nành, hương liệu tổng hợp (Ethyl vanillin), chất bảo quản (Nipagin, Nipasol), nước tinh khiết.		Viên	150.000
41	Thực phẩm bổ sung sắt, vitamin và khoáng chất	Trong 01 viên nang mềm có: + Iron III hydroxide polymaltose complex: $\geq 120\text{mg}$ (31% sắt tương đương 37,2mg sắt) + FOS (Fructooligosaccharide): $\geq 100\text{mg}$ + Chiết xuất Hạt óc chó (Juglans regia) (*): $\geq 50\text{mg}$ + DHA 10%: $\geq 20\text{mg}$ + Vitamin C (Acid L-ascorbic): $\geq 20\text{mg}$ + Bột Tảo xoắn Spirulina (Spirulina platensis): $\geq 10\text{mg}$ + Vitamin B1 (Thiamin mononitrat): $\geq 2\text{mg}$ + Vitamin B9 (Acid folic): $\geq 800\text{mcg}$ + Vitamin B12 (Cyanocobalamin): $\geq 10\text{mcg}$ Phụ liệu: Vỏ nang Gelatin, chất làm ẩm (Glycerin, Sorbitol), chất làm dày (Sáp ong), chất làm trơn (Aerosil), phẩm màu tổng hợp (Titan dioxyd), chất nhũ hóa (Lecithin, dầu đậu nành, dầu cọ), hương liệu tổng hợp (Ethyl vanillin), chất bảo quản (Nipagin, Nipasol), nước tinh khiết. (*) Tỷ lệ chiết xuất/ nguyên liệu: 1/10		Viên	150.000

TT	Tên sản phẩm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
42	Sản phẩm gội và bảo vệ da cho bé	-Thành phần bao gồm: Water (Aqua), Cocamidopropyl Betaine (Chiết xuất dừa), Decyl Glucoside, Sodium Laureth Sulfate, Olive Oil PEG-7 Esters, Glycerin, Sodium Benzoate, Epilobium Angustifolium Flower/Leaf/Stem Extract (Chiết xuất liễu thảo), Piper Betle (Leaf) Extract (Chiết xuất trầu không), Centella Asiatica Extract (Chiết xuất rau má), Citric Acid. - Dạng bào chế: Kem/Gel/Sữa/Dung dịch/Tinh chất - Thể tích: $\geq 180\text{ml}$	$\geq 180\text{ml}$	Hộp	800
43	Sản phẩm ngăn ngừa hình thành sẹo	-Thành phần bao gồm: Water (Aqua), Calophyllum Inophyllum Seed Oil, Cetostearyl Alcohol, Ceteth-20, Cetyl Alcohol, Glyceryl Stearate, Steareth-20, Glycerin, Caprylic/ Capric Triglyceride, Centella Asiatica Extract (Chiết xuất rau má), Butylene Glycol, Phenoxyethanol, Ethylhexylglycerin, Propylene Glycol, Allium Cepa (Onion) Bulb Extract (Chiết xuất hành tây đỏ), Curcumin (Tinh chất Nghệ), Bisabolol (Tinh dầu hóa cúc), Tocopheryl Acetate, Aloe Barbadensis Leaf Extract (Chiết xuất lô hội), Bellis Perennis (Daisy) Flower Extract (Chiết xuất hoa cúc), Glycosaminoglycans. - Dạng bào chế: Kem/Gel/Sữa/Dung dịch/Tinh chất - Khối lượng: $\geq 28\text{g}$	$\geq 28\text{g}$	Hộp	2.400
44	Sản phẩm sát khuẩn, giúp tiêu diệt các loại nấm kí sinh vùng âm đạo	-Thành phần bao gồm: Trầu không, sinh khương, ngải cứu, lá vằng, Chiết xuất sả chanh, Chiết xuất Ngọc am, hậu phác	$\geq 10\text{g}$	Hộp	8.000
45	Sản phẩm hỗ trợ làm giảm và ngăn ngừa rụng tóc	-Thành phần bao gồm: Water (Aqua), Disodium Laureth Sulfosuccinate, Cocamidopropyl Betaine, Sodium Laureth Sulfate, Glycol Distearate, Cocamide MEA, Laureth-10, Propylene Glycol, Cocamide DEA, Citrus Grandis Peel Oil (Tinh dầu vỏ bưởi), Climbazol (0,50%), Phenoxyethanol, Hydrolyzed Keratin, Sodium Chloride, Menthol, Disodium EDTA. - Dạng bào chế: Kem/Gel/Sữa/Dung dịch/Tinh chất - Thể tích: $\geq 150\text{ml}$	$\geq 150\text{ml}$	Hộp	1.200

TT	Tên sản phẩm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
46	Sản phẩm thoa giảm tắc tuyến sữa	-Thành phần bao gồm: Water (Aqua), Glycerin, Oryza Sativa (Rice Bran) Oil (Dầu cám gạo), Polyacrylate Crosspolymer-11, Phenoxyethanol, Glyceryl Caprylate/Caprates. - Dạng bào chế: Kem/Gel/Sữa/Dung dịch/Tinh chất - Khối lượng: $\geq 50g$	$\geq 50g$	Hộp	400
47	Thực phẩm hỗ trợ tăng tiết sữa và chất lượng sữa	-Thành phần bao gồm: Tảo xoắn Spirulina $\geq 150mg$, Cao cỏ cà ri $\geq 100mg$		Hộp	5.000
48	Sản phẩm hỗ trợ bảo vệ da nhạy cảm cho bé	-Thành phần bao gồm: Water (Aqua), Caprylic/ Capric Triglyceride, Oryza Sativa (Rice Bran) Oil (Dầu cám gạo), Panthenol , Centella Asiatica Extract (Chiết xuất rau má), Butylene Glycol, Phenoxyethanol (0,54%), Ethylhexylglycerin, Curcumin, Melia Azadirachta (Neem) Seed Oil (Chiết xuất Sầu đâu), Epilobium Angustifolium Flower/Leaf/Stem Extract (Chiết xuất liễu thảo), Glycerin. - Dạng bào chế: Kem/Gel/Sữa/Dung dịch/Tinh chất - Khối lượng: $\geq 50g$	$\geq 50g$	Hộp	2.500
49	Sản phẩm thoa dưỡng ẩm cho da bé	-Thành phần bao gồm: Paraffinum Perliquidum, Caprylic/Capric Triglyceride, Olive PEG -7 Esters. - Dạng bào chế: Kem/Gel/Sữa/Dung dịch/Tinh chất - Thể tích: $\geq 100ml$	$\geq 100ml$	Hộp	800
50	Sản phẩm làm sạch vùng kín	-Thành phần bao gồm: Water (Aqua), Cocamidopropyl Betaine, Sodium Laureth Sulfate, Olive Oil Peg-7 Ester, Sodium Gluconate, Sodium Lactate, Piper Betle (Leaf) Extract (Chiết xuất trà không), Sodium Chloride, Melaleuca Alternifolia Leaf Oil (Chiết Xuất Tràm Trà), Undaria Pinnatifida Extract (Chiết Xuất Tảo Nâu), Lactic Acid, Citric Acid, Sodium Citrate, Gluconolactone, Glycerin, Nelumbinis Nuciferae Extract (Chiết Xuất Lá Sen). - Dạng bào chế: Kem/Gel/Sữa/Dung dịch/Tinh chất - Thể tích: $\geq 180ml$	$\geq 180ml$	Hộp	6.400

TT	Tên sản phẩm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
51	Sản phẩm giữ ẩm cơ thể cho phụ nữ trước và sau sinh	-Thành phần bao gồm: Water (Aqua), Glycerin, Oryza Sativa (Rice Bran) Oil (Dầu Cám Gạo), Phenoxyethanol, Ethylhexylglycerin, Eucalyptol, Allantoin, Rosmarinus Officinalis (Rosemary) Leaf Oil (Tinh dầu hương thảo), Cymbopogon Flexuosus Oil (Tinh dầu sả chanh), Vanillyl Butyl Ether, Menthol. - Dạng bào chế: Kem/Gel/Sữa/Dung dịch/Tinh chất - Khối lượng: $\geq 50\text{g}$	$\geq 50\text{g}$	Hộp	2.000
52	Sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ hỗ trợ ăn ngon từ 1 đến 10 tuổi	Thành phần trong 100g bao gồm: - Năng lượng: $\geq 409\text{ kcal}$ - Hàm lượng Protein: $\geq 12,4\text{ g}$ - Hàm lượng chất béo tổng số: $\geq 15,2\text{ g}$ - Acid linoleic (dạng glycerid): $\geq 1430\text{mg}$ - Có Vitamin và khoáng chất - IgG: $\geq 26\text{ mg}$ - Lysin: $\geq 37\text{ mg}$ - Taurin: $\geq 16,5\text{ mg}$ - MCT: $\geq 120\text{ mg}$ - FOS: $\geq 110\text{ mg}$	$\geq 400\text{g}$	Lon	400
53	Thực phẩm dinh dưỡng tăng cường sức khỏe cho bà mẹ mang thai	Thành phần trong 100g bao gồm: - Năng lượng: $\geq 365\text{ kcal}$ - Protein: $\geq 5.9\text{ g}$ - Chất Béo tổng: $\geq 8,7\text{ g}$ - Có vitamin và khoáng chất - Taurine: $\geq 12,3\text{ mg}$ - Lysine: $\geq 17\text{ mg}$ - FOS: $\geq 160\text{ mg}$ - DHA: $\geq 19,7\text{ mg}$ - Collagen: $\geq 17\text{ mg}$ - MCT: $\geq 110\text{ mg}$	$\geq 400\text{g}$	Lon	400
54	Thực phẩm dinh dưỡng giúp phục hồi sức khỏe sau phẫu thuật	Thành phần trong 100g bao gồm: - Năng lượng: $\geq 375\text{ kcal}$ - Protein: $\geq 5.8\text{ g}$ - Béo tổng: $\geq 10\text{ g}$ - Có vitamin và khoáng chất - FOS: $\geq 120\text{ mg}$ - Collagen: $\geq 34,7\text{ mg}$ - MCT: $\geq 130\text{ mg}$ - Isomalt: $\geq 110\text{ mg}$ - Lysine: $\geq 17\text{ mg}$ - Curcumin: $\geq 250\text{ mg}$	$\geq 400\text{g}$	Lon	5.000

TT	Tên sản phẩm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
55	Thực phẩm dinh dưỡng tăng cường hệ miễn dịch và sức đề kháng cho bé từ 0 đến 12 tháng	Thành phần trong 100g bao gồm: '- Năng lượng: ≥ 422 kcal - Hàm lượng Protein: $\geq 8,2$ g - Hàm lượng chất béo tổng số: ≥ 18.6 g - Acid linoleic: ≥ 1350 mg - Acid a-linolenic: ≥ 230 mg - Có Vitamin và khoáng chất - Myo - inositol: ≥ 21 mg - L-carnitin: $\geq 5,6$ mg - Taurin: $\geq 16,5$ mg - IgG: ≥ 26 mg - ARA: ≥ 17 mg - DHA: $\geq 15,4$ mg - EPA: ≥ 12 mg - HMO (2'-fucosyllactose) (2'-FL): ≥ 81 mg - Cholin: ≥ 18.7 mg - Lysin: ≥ 21 mg - FOS: ≥ 100 mg	≥ 400 g	Lon	3.000
56	Thực phẩm bổ sung sắt, vitamin và khoáng chất	-Thành phần bao gồm: Fish oil (DHA/EPA) ≥ 500 mg Iron Fumarat (Sắt Fumarat) ≥ 50 mg Inulin ≥ 3200 mcg Potassium iodine ≥ 200 mcg Calcium cabonat Nano ≥ 50 mg Magnesium oxit heavy ≥ 30 mg Kẽm gluconat : ≥ 25 mg Beta Carotene (Vitamin A) ≥ 1 mg Thiamine nitrate (Vitamin B1) : ≥ 3 mg Riboflavine (Vitamin B2) ≥ 3 mg Nicotinamide (Vitamin B3) ≥ 20 mg Calcium Pantothenate (Vitamin B5) ≥ 3 mg Pyridoxine Hydrochloride(Vitamin B6) ≥ 3 mg Folic Acid ≥ 900 mcg Cyanocobalamin (Vitamin B12) ≥ 11 mcg Ascobic acid (Vitamin C) ≥ 50 mg Vitamin D3 (As cholecalciferol) ≥ 150 UI Vitamin E (D – Alpha tocopherol) ≥ 10 UI Choline ≥ 30 mg Biotin ≥ 50 mcg Selenium ≥ 100 mcg		Viên	400.000

TT	Tên sản phẩm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
57	Thực phẩm bổ sung canxi, vitamin và khoáng chất	-Thành phần bao gồm: Calcium Carbonat nano: ≥ 275 mg Calci Gluconate: ≥ 8 mcg Calci Lactate : ≥ 105 mg Magie Lactate : ≥ 195 mg Kẽm Gluconate: ≥ 30 mg Vitamin D3 ≥ 15 mg Vitamin K1: ≥ 500 UI		Viên	400.000
58	Thực phẩm bổ sung canxi, vitamin và khoáng chất	Lithothamne (tảo đá): ≥ 203 mg Canxi gluconate: ≥ 149 mg Canxi citrate: ≥ 148 mg Vitamin D3 (100000UI/gr): ≥ 800 mcg Vitamin K1: ≥ 10 mcg		Viên	240.000
59	Thực phẩm bổ sung sắt, vitamin và khoáng chất	Fish oil (DHA/EPA) ≥ 500 mg, Iron III polymaltose (tương đương sắt: 11.2mg) ≥ 90 mg, Ascorbic acid (Vitamin C) ≥ 75 mg, Calcium carbonate Nano (tương đương calcium: 30mg) ≥ 50 mg, Magnesium oxit heavy (tương đương Magnesium: 18mg) ≥ 30 mg, Inulin ≥ 30 mg, Choline ≥ 25 mg, Kẽm gluconat (tương đương kẽm: 3.6mg) ≥ 20 mg, Nicotinamide (Vitamin B3) ≥ 3 mg, Beta Carotene (Vitamin A) ≥ 3200 mcg, Thiamine nitrate (Vitamin B1) ≥ 3 mg, Riboflavine (Vitamin B2) ≥ 3 mg, Pyridoxine Hydrochloride (Vitamin B6) ≥ 3 mg, Calcium Pantothenate (Vitamin B5) ≥ 1 mg, Folic Acid (Vitamin B9) ≥ 900 mcg, Potassium iodine (tương đương iod: 153mcg) ≥ 200 mcg, Biotin (D-biotin) ≥ 100 mcg, Selenium (Men tăng sinh từ selen) ≥ 50 mcg, Cyanocobalamin (Vitamin B12) ≥ 11 mcg, Vitamin D3 (As cholecalciferol) ≥ 150 UI, Vitamin E (D-Alpha tocopherol) ≥ 10 UI.		Viên	200.000

TT	Tên sản phẩm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
60	Sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ dị ứng đạm sữa	Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100 g: - Năng lượng ≥ 500 mg - Chất đạm: ≥ 14 g - Chất béo: ≥ 25 g - Chất bột đường: ≥ 55 g - Có Vitamin và khoáng chất - Thành phần khác: + LGG (Lactobacillus rhamnosus): $\geq 1.0 \times 10^8$ cfu + 100% thành phần là casein thủy phân hoàn toàn + Không có saccharose, lactose + Axit Linoleic: ≥ 4500 mg + Axit Alpha Linolenic: ≥ 340 mg + DHA: ≥ 85 mg + ARA: ≥ 170 mg - Áp suất thẩm thấu: ≤ 310 mOsm/kg nước.	≥ 400 g	Hộp/lon	200
61	Thực phẩm dinh dưỡng cho mẹ bầu	Thành phần trong 100 g: - Năng lượng: ≥ 370 kcal - Đạm: ≥ 25 g - Béo: ≥ 4.6 g - Đường: ≥ 60 g - DHA: ≥ 100 mg - Prebiotic: ≥ 3 g - Canxi: ≥ 1000 mg - Cholin: ≥ 560 mg - Acid Folic: ≥ 340 mcgDFE - Có Vitamin và khoáng chất	≥ 400 g	Hộp/lon	400
62	Sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ sinh non từ 0-12 tháng tuổi	Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100 g: - Năng lượng: ≥ 500 kcal - Chất đạm: $\geq 16,5$ g - Chất béo ≥ 25 g - Chất tinh bột đường ≥ 53 g - Thành phần quan trọng khác gồm: + DHA ≥ 85 mg + ARA ≥ 170 mg + Axit Linoleic: ≥ 3700 mg + Axit alpha Linolenic ≥ 370 mg + Có Vitamin và khoáng chất - Áp suất thẩm thấu: ≤ 320 mOsmoles/kg nước	≥ 400 g	Hộp/lon	480

TT	Tên sản phẩm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
63	Sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ sơ sinh từ 0 đến 6 tháng tuổi	Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100 g: - Năng lượng ≥ 510 kcal - Chất đạm: ≥ 10.5 g - Chất béo: ≥ 28 g - Chất tinh bột đường: ≥ 56 g - Có Vitamin và khoáng chất - Thành phần khác gồm: + DHA: ≥ 102 mg + ARA: ≥ 128 mg + Axit Alpha Linolenic: ≥ 310 mg + Axit Linoleic: ≥ 3900 mg + 2'-FL HMO: ≥ 0.19 g + Hệ chất xơ gồm: GOS: ≥ 1.53 g và PDX: ≥ 1.53 g + Phospholipids: ≥ 500 mg + Sphingomyelin: ≥ 99 mg + Có MFGM (Milk Fat Globule Membrane) từ đạm whey tinh chất + Không có đường sucrose - Áp suất thẩm thấu: ≤ 280 mOsmoles/kg nước	≥ 400 g	Hộp/lon	1.600
64	Thực phẩm dinh dưỡng hỗ trợ giảm táo bón cho trẻ từ 0 tới 12 tháng tuổi	- Thành phần 100ml pha chuẩn bao gồm: - Năng lượng: ≥ 66.7 kcal - Chất đạm: ≥ 1.27 g - Chất béo: ≥ 3.51 g - Chất tinh bột đường: ≥ 7.64 g - Thành phần quan trọng khác gồm: + DHA: ≥ 7.18 mg + ARA: ≥ 7.18 mg + Acid Alpha-Linolenic: ≥ 41.8 mg + Acid Linoleic: ≥ 491.4 mg + Chất xơ: ≥ 0.32 g. + Có Vitamin và khoáng chất	≥ 380 g	Hộp	400
65	Sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ từ 0 đến 12 tháng tuổi	- Thành phần 100ml pha chuẩn bao gồm: - Năng lượng: ≥ 67 Kcal - Chất đạm: ≥ 1.27 g - Chất béo: ≥ 3.49 g - Chất bột đường: ≥ 7.63 g - Có Vitamin và khoáng chất - Thành phần khác: + Có Đạm whey thủy phân một phần + DHA: ≥ 7.47 mg + ARA: ≥ 7.47 mg	≥ 400 g	Hộp	1.120

TT	Tên sản phẩm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
66	Thực phẩm dinh dưỡng cho trẻ từ 0 tới 6 tháng tuổi	-Thành phần 100ml pha chuẩn bao gồm: - Năng lượng: ≥ 67 kcal - Chất đạm: ≥ 1.24 g - Chất béo: ≥ 3.62 g - Chất tinh bột đường: ≥ 7.54 g - Thành phần quan trọng khác gồm: + DHA: ≥ 7.87 mg + ARA: ≥ 7.87 mg + Acid Alpha-Linolenic: ≥ 47.76 mg + Acid Linoleic: ≥ 555 mg + Có Vitamin và khoáng chất	≥ 400 g	Hộp	1.600
67	Thực phẩm dinh dưỡng hỗ trợ giảm tiêu chảy và không dung nạp lactose cho trẻ từ 0 tới 3 tuổi	-Thành phần 100ml pha chuẩn bao gồm: - Năng lượng: ≥ 67 kcal - Chất đạm: ≥ 1.4 g - Chất béo: ≥ 3.38 g - Chất tinh bột đường: ≥ 7.72 g - Thành phần quan trọng khác gồm: + DHA: ≥ 7.13 mg + ARA: ≥ 7.13 mg + Acid Alpha-Linolenic: ≥ 0.04 g + Acid Linoleic: ≥ 0.41 g + Vitamin và khoáng chất	≥ 380 g	Hộp	400
68	Thực phẩm dinh dưỡng dành cho bé nhẹ cân hoặc thiếu tháng	-Thành phần 100ml pha chuẩn bao gồm: - Năng lượng: ≥ 80.8 kcal - Chất đạm: ≥ 2.7 g - Chất béo: ≥ 4 g - Chất bột đường: ≥ 8.46 g - Vitamin và khoáng chất - Thành phần khác: + ARA: ≥ 16.8 mg + DHA: ≥ 16 mg	≥ 380 g	Hộp	800
69	Xịt rôm sảy	Thành phần từ thiên nhiên: Chiết xuất Yến mạch- Avena Sativa L	≥ 50 ml	Hộp	2.500
70	Sữa rửa mặt	Aqua, Cocamidopropyl Betainamide MEA Chloride, Hydroxypropyl Oxidized Starch PG-Trimonium Chloride, Phenoxyethanol, Panthenol, Parfum, Sodium Hydroxide, Sodium Benzoate.	≥ 50 ml	Hộp	100

TT	Tên sản phẩm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
71	Sản phẩm nước rửa phụ khoa hỗ trợ cân bằng PH âm đạo	Aqua, Sodium Laureth Sulfate, Lauryl Glucoside, Cocamidopropyl Bataine, Aloe barbadensis leaf juice, Bisabolol, lactic Acid, Parfum, Sorbic Acid, Citric Acid, Sodium Citrate.	$\geq 50\text{ml}$	Chai	500

Kính đề nghị các Công ty/Nhà cung ứng/Đơn vị có quan tâm và có khả năng cung cấp gửi báo giá (2 bản chính) theo mẫu tại Phụ lục đính kèm.

III. Tài liệu yêu cầu khác.

- Hồ sơ pháp nhân Doanh nghiệp (Giấy phép đăng ký kinh doanh, giấy xác nhận thông tin người đại diện theo pháp luật).
- Hồ sơ công bố sản phẩm.
- Giấy tiếp nhận đăng ký công bố sản phẩm
- Phiếu kiểm nghiệm chất lượng
- Giấy chứng nhận GMP của Nhà máy sản xuất (đối với TPCN)
- 03 hóa đơn ở 3 đơn vị khác nhau có giá bán không thấp hơn giá Công ty đã báo giá.

Tất cả các tài liệu cung cấp phải có chứng thực của đơn vị có thẩm quyền.

Rất mong nhận được sự giúp đỡ và hợp tác của Quý công ty/ Nhà cung cấp/
Đơn vị./

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: VT, KD



BSCKII. Chung Tấn Định



Phụ lục

Tên công ty
Địa chỉ:
Số điện thoại liên hệ:
Email:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Sản - Nhi Sóc Trăng

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Sản-Nhi Sóc Trăng, chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá như sau:

1. Công ty chúng tôi báo giá các mặt hàng sau:

STT	Tên Sản phẩm	Tên thương mại	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Hạn dùng (tháng)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đã bao gồm VAT)	Thành tiền

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày 22 tháng 10 năm 2026 [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

.....,ngày.....tháng.....năm 20....

Đại diện hợp pháp của công ty
(ký và ghi rõ họ tên)